

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/DSST

Ngày: 27/10/2021

V/v “*Tranh chấp*

*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962

Địa chỉ: 2/6 Đ, phường P, quận N, thành phố Cần Thơ

2. Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1962

Địa chỉ: 106C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

*Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà O:*

Ông Vũ Xuân B, sinh năm 1958

Địa chỉ: 10 P, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: 1. Ông Tô Điền Quốc H, sinh năm 1975

Địa chỉ: 81A, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ

2. Bà Lâm Thị Thúy N, sinh năm 1983

Địa chỉ: 107/86A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

*(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2018, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều O ký hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng nhà, đất tọa lạc tại phường P, quận N, thành phố Cần Thơ với vợ chồng ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N, giá trị tài sản là 15.000.000.000đồng, đặt cọc 3.000.000.000đồng. Thời điểm này nhà đất đang thế chấp đảm bảo nợ vay tại ngân hàng, các bên thỏa thuận sau khi nhận tiền cọc thì ông H, bà N sẽ tiến hành giải chấp tài sản để thực hiện thủ tục mua bán. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì ông H, bà N không thực hiện việc giải chấp tài sản. Do đó, ông L, bà O đã bỏ ra số tiền 16.852.000.000đồng để cùng ông H, bà N thanh toán cho ngân hàng để giải chấp tài sản và hai bên tiến hành thủ tục mua bán xong. Số tiền ông L, bà O bỏ ra nhiều hơn số tiền thỏa thuận mua bán/chuyển nhượng nhà đất là 4.852.000.000đồng và hai bên thỏa thuận số tiền này là ông L, bà O cho ông H, bà N vay. Vì vậy, ngày 02/10/2019 hai bên đã ký hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng Công chứng Cửu Long, với thỏa thuận ông L, bà O (Bên A) cho ông H, bà N (Bên B) vay số tiền 4.852.000.000đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, hàng tháng bên B trả cho bên A số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi vào ngày 15 tây cho đến khi trả hết số tiền vay nêu trên, thời hạn vay tối đa là 49 tháng. Đến ngày 06/10/2019, ông H thỏa thuận trả lãi cho ông L, bà O với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, sau đó ông H, bà N không trả được cho ông L, bà O bất kỳ số tiền gốc, lãi nào nên ông L, bà O khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng đã ký giữa các bên, buộc ông H, bà N trả số tiền 4.852.000.000đồng và tiền lãi theo quy định từ thời điểm ký hợp đồng cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Tô Điền Quốc H trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng ông L, bà O có ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng vay tài sản, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng như ông L, bà O đã trình bày. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng vay tài sản do gặp khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông chưa trả cho ông L, bà O số tiền nào cả. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà O nhưng xin ông L, bà O chỉ tính nợ gốc, không tính lãi phát sinh vì hoàn cảnh của vợ chồng ông hiện rất khó khăn, không có thu nhập và công việc ổn định; sau này có thu nhập vợ chồng ông sẽ trả hết nợ gốc cho ông L, bà O.

Bị đơn bà Lâm Thị Thúy N trình bày: bà thống nhất với số tiền nợ gốc mà vợ chồng bà nợ nguyên đơn là 4.852.000.000đồng. Do gia đình gặp khó khăn trong việc làm ăn dẫn đến phá sản, ông H thì bị tạm giam nên xin nguyên đơn bỏ tiền lãi, khi nào ông H thì hành án xong vợ chồng bà đi làm sẽ gom góp tiền để trả nợ cho nguyên đơn.

Do ông H, bà N cùng có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn xác định: Sau khi trao đổi với nguyên đơn thì nguyên đơn thống nhất rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.852.000.000đồng.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về số tiền nợ gốc mà bị đơn nợ nguyên đơn theo hợp đồng vay ngày 02/10/2019 là 4.852.000.000đồng. Sau khi vay, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc lãi nên nguyên đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc là sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 4.852.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều O khởi kiện ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N yêu cầu trả tiền đã cho vay theo hợp đồng vay đã ký giữa các bên nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có ký hợp đồng vay ngày 02/10/2019 theo đó bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 4.852.000.000đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (bị đơn tự nguyện trả với mức lãi suất là 1,5%/tháng), hàng tháng bên B trả cho bên A số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi vào ngày 15 tây cho đến khi trả hết số tiền vay nêu trên, thời hạn vay tối đa là 49 tháng. Cả hai bên đều trình bày thống nhất là sau khi ký hợp đồng vay thì bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền gốc lãi nào và theo bị đơn trình bày là do gặp khó khăn trong làm ăn dẫn đến phá sản nên không thực hiện thỏa thuận với nguyên đơn. Phía bị đơn cũng đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng xin nguyên đơn không tính lãi và xin sau này có công việc sẽ tìm cách trả hết số nợ gốc cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn cũng thống nhất không tính lãi đối với số tiền mà bị đơn nợ và xin rút lại phần yêu cầu này.

Nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng vay ngày 02/10/2019 có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Cửu Long là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị thực hiện. Việc bị đơn không thực hiện hợp đồng - không thanh toán nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có quyền khởi kiện. Căn cứ vào hợp đồng nêu trên cũng như lời thừa nhận của bị đơn thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 4.852.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn nợ, đây là sự tự nguyện của nguyên

đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên án:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều O về yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kiều O: Buộc ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Kiều O số tiền 4.852.000.000đồng (*Bốn tỷ tám trăm năm mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tô Điền Quốc H và bà Lâm Thị Thúy N phải chịu 112.852.000đồng (*Một trăm mười hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Kiều O 56.726.000đồng (*Năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 003388 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.N;
- TAND TP. Cần Thơ;
- CCTHADS Q.N;
- Lưu hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thúy Mai**